TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Vũ

Ông Lê Khắc Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến ***Tre*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Bùi Văn R, sinh năm 1970 (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: số nhà 8/1 ấp AB, xã AQ, huyện TP, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt không có lí do).

Nơi cư trú: số nhà 37/4 ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn R trình bày:

Tôi và vợ tôi Hà Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AQ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/02/1997. Cuộc sống hôn nhân của tôi và T hạnh phúc thời gian ngắn rồi xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, khoảng năm 2005 vợ tôi tự ý bỏ nhà đi về nhà ở xã AT sinh sống ly thân tôi cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn chị T. Khi sống chung chúng tôi có con chung tên Bùi Dủ D, sinh ngày 02/01/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Về nợ chung không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng chị Hà Thị T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Hà Thị T không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn R. Anh R không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Bùi Dủ D, sinh ngày 02/01/1996 đã trưởng thành anh R không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh R trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh R trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Bùi Văn Rồi yêu cầu xin ly hôn với chị Hà Thị Trang nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn".

[2] Chị Hà Thị Trang hiện đang cư trú tại xã AT, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT.

[3] Xét việc chị Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Trang theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Bùi Văn R có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn R và chị Hà Thị T kết hôn trên cơ sở tự

nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của anh R Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn anh R và chị T có thời gian ngắn sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên nay tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 16/3/2023 của Tòa án đối với bà Phạm Thị B là chị của chị T, thì bà Biếu cho biết là giữa anh R và chị T có mâu thuẫn trong cuộc sống nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hiện tại anh R và chị T đã sống ly thân khoảng 17 năm. Nhiều lần bà nhận được Thông báo, giấy triệu tập của Tòa án tống đạt cho chị T. Bà có chuyển giao lại cho chị T đầy đủ, đúng thời gian quy định như đã cam kết nhưng chị T không đến Tòa án theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập. Điều đó chứng tỏ chị T không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh R, không muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh R và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh R yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh R không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về con chung: Bùi Dủ D, sinh ngày 02/01/1996 đã trưởng thành nên anh R không yêu cầu giải quyết, chị T không ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh R trình bày không có tài sản chung, chị T không ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh R trình bày không có nợ chung, chị T không ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Anh R phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn R. Anh R được ly hôn với chị Hà Thị T.

Anh R không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Bùi Dủ D, sinh ngày 02/01/1996 đã trưởng thành nên anh R không yêu cầu giải quyết, chị T không ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh R trình bày không có tài sản chung, chị T không ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh R trình bày không có nợ chung, chị T không ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Bùi Văn R phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000929 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thúy